

Số /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án Hồ Không Pách Thượng giai đoạn 2

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT số 3200/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hồ Không Pách Thượng GD2, tỉnh Đắk Lắk; Văn bản số 5371/BNN-KH ngày 07/8/2023 về việc thẩm định, phê duyệt dự án Hồ Không Pách Thượng GD2;

Quyết định số 39/QĐ-BTNMT ngày 19/01/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hồ chứa nước Không Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Văn bản số 5534/UBND-NNMT ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về ý kiến nội dung đầu tư và Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Hồ Không Pách Thượng GD2, tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 213/TTr-BQLDAGTNN ngày 18/7/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk trình thẩm định, phê duyệt dự án Hồ Không Pách Thượng GD2, tỉnh Đắk Lắk, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các Báo cáo: Số 1118/BC-XD-TĐ ngày 21/7/2023; số 1233/BC-XD-TĐ ngày 08/8/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ Krông Pách Thượng giai đoạn 2, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hồ Krông Pách Thượng giai đoạn 2.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư công tác xây dựng kênh chính Bắc (đoạn K21+354÷K33+980,5); tổ chức lập hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở toàn Dự án và các công việc có liên quan.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư công tác xây dựng toàn bộ hệ thống kênh cấp 1; kênh cấp 2, cấp 3 thuộc địa bàn huyện Krông Pắc và các công việc có liên quan.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư công tác xây dựng kênh cấp 2 thuộc địa bàn huyện Ea Kar; công tác Bồi thường, hỗ trợ tái định cư toàn Dự án và các công việc có liên quan.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Mục tiêu đầu tư: Khai thác hiệu quả nguồn nước hồ Krông Pách Thượng và hệ thống kênh đã được đầu tư xây dựng trong dự án giai đoạn 1 để cấp nước cho nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi thuộc các huyện Ea Kar và Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

b) Nhiệm vụ dự án: Tiếp tục xây dựng hệ thống kênh tưới nối tiếp từ hệ thống kênh chính đã xây dựng ở giai đoạn 1 để cấp nước tưới cho 12.750 ha đất canh tác (trong đó: Kênh Bắc 9.211ha, kênh Nam 3.539ha); tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi.

5. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) Biện pháp công trình: Xây dựng mới hệ thống kênh hở kết hợp với đường ống để dẫn nước tưới về khu hưởng lợi.

b) Vùng tuyến:

- Tuyến kênh chính Bắc: Điểm đầu nối tiếp với kênh chính Bắc thuộc dự án giai đoạn 1 tại K21+354, đi men theo triền cao theo hướng Đông-Tây, chiều dài tuyến 12,63km.

- Tuyến kênh cấp dưới xuất phát từ kênh cấp trên rẽ ra 2 bên đảm bảo cấp nước cho khu tưới, tổng chiều dài các tuyến khoảng 98,40km.

c) Quy mô và giải pháp kỹ thuật: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Xây dựng hệ thống kênh tưới có tổng chiều dài 111,03km, cụ thể:

- Kênh chính Bắc (K21+354÷K33+980,5): Dài 12,63km, lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK}=7,10\text{m}^3/\text{s}$, trong đó: Kênh mặt cắt chữ nhật dài 5,06km, kích thước $B \times H=(1,2 \times 0,9) \div (3,8 \times 2,05)\text{m}$, kết cấu BTCT, dày $(10 \div 25)\text{cm}$; kênh mặt cắt hình thang dài 7,57km, kích thước $B \times H=(0,4 \times 0,85) \div (1,8 \times 1,95)\text{m}$, kết cấu BTCT, dày $(8 \div 10)\text{cm}$.

- Hệ thống kênh cấp dưới của kênh Bắc, gồm 28 tuyến kênh, tổng chiều dài 76,13km, trong đó: Kênh mặt cắt chữ nhật dài 30,50km, kích thước $B \times H=(0,4 \times 0,5) \div (3,8 \times 1,85)\text{m}$, kết cấu BTCT, dày $(10 \div 20)\text{cm}$; kênh mặt cắt hình thang dài 31,73km, kích thước $B \times H=(0,5 \times 0,9) \div (1,80 \times 1,85)\text{m}$, kết cấu BTCT, dày $(8 \div 10)\text{cm}$; đường ống HDPE, dài 13,90km, $D=(200 \div 710)\text{mm}$, cấp áp lực PN6.

- Hệ thống kênh cấp dưới thuộc kênh Nam, gồm 19 tuyến, tổng chiều dài 22,27km, trong đó: Kênh mặt cắt chữ nhật dài 9,64km, kích thước $B \times H=(0,4 \times 0,4) \div (0,7 \times 0,7)\text{m}$, kết cấu BTCT, dày 10cm; đường ống HDPE, dài 12,63km, $D=(200 \div 560)\text{mm}$, cấp áp lực PN6.

- Công trình trên kênh bao gồm: Cầu máng, xi phông, cống tiêu, tràn băng, cầu qua kênh, cống qua đường, phục hồi mặt đường, cống lấy nước, cống điều tiết, tràn ra, cống xả sâu, cống cuối kênh, hố van xả khí, hố van xả cặn, hố van phân phối nước, hố bơm,...

d) Hệ thống thiết bị cơ khí bao gồm: Lưới chắn rác, cửa van phẳng, van điều tiết, van xả cặn, van xả khí,...

e) Công trình phục vụ quản lý vận hành: Đường quản lý vận hành, kết hợp giao thông nông thôn dọc tuyến kênh chính Bắc, kênh BN35 với quy mô: Đường GTNT cấp C, chiều rộng nền đường 4,0m, chiều rộng mặt đường 4,0m, kết cấu áo đường bằng đất cấp phối; các tuyến kênh còn lại sử dụng bờ kênh phục vụ quản lý vận hành, chiều rộng bờ kênh $B=(0,8 \div 1,0)\text{m}$.

f) Tổ chức xây dựng và công trình phục vụ thi công:

- Biện pháp dẫn dòng thi công cho các công trình vượt sông, suối: đắp đê quai dẫn dòng qua lòng sông, suối thu hẹp.

- Công trình phục vụ thi công, gồm: Đường thi công sử dụng các tuyến đường hiện hữu trong khu vực, kết hợp với đường bờ kênh; 06 khu mặt bằng thi công, diện tích khoảng 0,6ha.

g) Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đất, đá đào các loại	m^3	905.000
2	Đất đắp các loại	m^3	953.000
3	Đá dăm các loại	m^3	2.500
4	Cát đắp các loại	m^3	8.700

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
5	Bê tông các loại	m ³	80.600
6	Thép tròn các loại	Tấn	9.200
7	Ống HDPE	m	26.540

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thuỷ lợi II (HEC II).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Ea Kar và Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 172,11ha (bao gồm 18,7ha bãi vật liệu).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình và tần suất thiết kế:

+ Cấp công trình: Kênh chính Bắc, kênh BN35 cấp III; kênh cấp dưới thuộc kênh chính Bắc, kênh chính Nam cấp IV.

+ Tần suất thiết kế: (i) Đảm bảo cấp nước tưới P=85%; tần suất dẫn dòng thi công P=10%. (ii) Các hạng mục công trình cấp III: Tần suất lũ thiết kế P=1,5%; tần suất lũ kiểm tra P=0,5%; (iii) Các hạng mục công trình cấp IV: Tần suất lũ thiết kế P=2,0%; tần suất lũ kiểm tra P=1,0%.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: **1.120.400.000.000** đồng (*Một nghìn, một trăm hai mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 247.771.323.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 604.887.973.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 6.227.103.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 10.538.388.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 78.277.290.000 đồng;
- Chi phí khác: 32.904.222.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 139.793.701.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Vốn NSTW do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 1.120,4 tỷ đồng (trong đó, vốn giai đoạn 2016-2020 là 0,4 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 là 900 tỷ đồng, còn lại bố trí trong giai đoạn 2026-2030).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng hệ thống kênh, mặt bằng thi công, bãi vật liệu,... tổng diện tích khoảng 172,11ha.

Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ tái định cư cụ thể như sau:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất trồng cây lâu năm khoảng 114,25ha; đất trồng cây hàng năm khoảng 24,40ha; đất trồng lúa khoảng 19,69ha (đất trồng lúa nước 16,55ha), đất nuôi trồng thủy sản khoảng 4,09ha, đất ở nông thôn khoảng 2,53ha, đất khác 7,15ha.

- Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng khoảng 1.200 hộ, số hộ di dời 0 hộ.

- Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT- BTC ngày 5/10/2022 của Bộ Tài chính và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan theo quy định.

14. Một số lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phù hợp tiêu chuẩn hiện hành và đặc điểm của công trình.

- Rà soát tối ưu tuyến, hình thức, kết cấu (kênh mặt cắt chữ nhật, hình thang, kênh hộp, chiều dày kết cấu,...) cho từng đoạn, từng tuyến kênh phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

- Rà soát số lượng, vị trí các công trình, thiết bị trên đường ống (cống tiêu, tràn băng, cống điều tiết, van xả khí, van xả cạn,...) phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo an toàn, ổn định và thuận lợi trong quản lý, vận hành công trình.

- Rà soát hoàn thiện hệ thống tiêu, thoát nước mặt, nước ngầm và gia cố mái đào, đắp để chống bồi lắng, xói lở, sạt trượt đảm bảo an toàn công trình.

- Khảo sát, đánh giá kỹ trữ lượng, chất lượng vật liệu đất đắp; tận dụng tối đa đất đào móng công trình để đắp.

- Thiết kế chi tiết mặt bằng thi công, các tuyến đường thi công, biện pháp thi công đảm bảo an toàn, kinh tế, đáp ứng tiến độ.

- Rà soát, bổ sung (nếu cần) để hoàn thiện một số hạng mục thuộc cụm công trình đầu mối và hệ thống kênh nhằm phát huy tối đa hiệu quả dự án.

- Tổ chức lập, phê duyệt Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Đắk Lắk:

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thuộc Tỉnh tổ chức (i) lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan...), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) bảo vệ phạm vi mặt bằng đã bàn giao cho đến khi công trình đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán chi phí Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; quản lý khu tưới đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt, tránh trường hợp chồng lấn các quy hoạch khác;

- Quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác để phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và nhận bàn giao công trình sau khi hoàn thành để quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch vùng tưới của dự án được duyệt;

- Chỉ đạo các ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan thuộc Tỉnh phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, an toàn và hiệu quả.

2. Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8:

+ Chủ trì tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC, DT Dự án đảm bảo tính đồng bộ; lấy ý kiến về hồ sơ thiết kế và phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar trước khi thẩm định phê duyệt BVTC, DT dự án; Bàn giao hồ sơ Thiết kế BVTC, DT hạng mục theo phân giao đã được phê duyệt cho các chủ đầu tư để triển khai các bước tiếp theo.

+ Tổng hợp hồ sơ thiết kế BVTC, DT điều chỉnh, tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế điều chỉnh theo quy định (nếu có); tổng hợp hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư để trình thẩm định, phê duyệt (nếu có).

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm bàn giao hồ sơ khảo sát, thiết kế và các tài liệu liên quan giai đoạn Báo cáo NCKT cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 sau khi Dự án đầu tư được phê duyệt. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản

lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 trong triển khai thực hiện dự án theo quy định;

- Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp rà soát hồ sơ gửi Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 để tổng hợp trình thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC, DT điều chỉnh hoặc điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định (nếu có).

3. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc các ban quản lý: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Đắk Lắk;
- Kho bạc NN Đắk Lắk;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp